

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 94/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 5472/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-BKTNS ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 137/BC-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 94/2024/TT-BTC.

2. Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng ngân sách địa phương chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh

1. Mức chi lập nhiệm vụ, dự án: Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC.

2. Mức chi họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ:

- a) Chủ tịch Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên, thư ký: 300.000 đồng/người/buổi;
- c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;
- d) Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết;
- đ) Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng: 300.000 đồng/bài viết.

Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm.

3. Mức chi lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (trường hợp không thành lập Hội đồng), tối đa không quá 5 bài viết: 500.000 đồng/bài viết.

4. Mức chi điều tra, khảo sát:

- a) Lập mẫu phiếu điều tra: 500.000 đồng/phiếu mẫu được duyệt;
- b) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin: đối với tổ chức 100.000 đồng/phiếu; cá nhân 50.000 đồng/phiếu;
- c) Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài): Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày);
- d) Chi cho người dẫn đường (chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường cho điều tra viên): 100.000 đồng/người/ngày;
- đ) Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc (chỉ áp dụng cho điều tra vùng có đồng bào dân tộc cần có người phiên dịch cho điều tra viên): 200.000 đồng/người/ngày;

5. Mức chi báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ (tùy theo tính chất, quy mô của nhiệm vụ/dự án do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán xác định):

- a) Báo cáo tổng kết nhiệm vụ: không quá 5.000.000 đồng/báo cáo;
- b) Báo cáo tổng kết dự án: không quá 15.000.000 đồng/báo cáo.

6. Mức chi Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có):

- a) Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có): 600.000 đồng/người/buổi;
- c) Ủy viên, thư ký Hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi;
- d) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;
- đ) Bài nhận xét của ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết;
- e) Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng: 300.000 đồng/bài viết;

g) Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03): 400.000 đồng/bài viết.

7. Mức chi Hội thảo khoa học:

- a) Người chủ trì: 500.000 đồng/người/buổi;
- b) Thư ký hội thảo: 300.000 đồng/người/buổi;
- c) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi;
- d) Báo cáo tham luận: 350.000 đồng/bài viết.

8. Mức chi Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ:

- a) Chủ tịch Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên, thư ký Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi.

9. Mức chi Hội đồng nghiệm thu dự án:

- a) Chủ tịch Hội đồng: 700.000 đồng/người/buổi;
- b) Thành viên, thư ký Hội đồng: 400.000 đồng/người/buổi;
- c) Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện: 500.000 đồng/bài viết;
- d) Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng: 400.000 đồng/bài viết;
- đ) Đại biểu được mời tham dự: 150.000 đồng/người/buổi.

10. Mức chi giải thưởng môi trường (tùy theo tính chất, quy mô của nhiệm vụ/dự án do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán xác định):

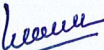
a) Tổ chức: từ 6.000.000 đồng/giải thưởng đến 10.000.000 đồng/giải thưởng, tùy theo tính chất, quy mô của giải thưởng;

b) Cá nhân: từ 4.000.000 đồng/giải thưởng đến 8.000.000 đồng/giải thưởng, tùy theo tính chất, quy mô của giải thưởng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

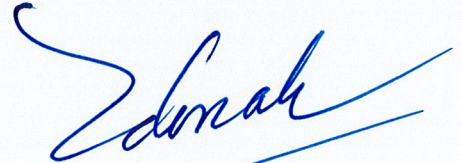
1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026.
2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá VIII, nhiệm kỳ 2026-2031, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC);
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- TT Công báo và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông